

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN, TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN

NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH



(Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp ngày 31 tháng 12 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM

GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số 422/QĐ- SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 22 tháng 7 năm 2009)

BẢN CÁO BẠCH ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

Trụ sở: Phường Thanh Bình- Thành phố Ninh Bình- Tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: (030) 2 210.537

Fax: (030) 3 873.762

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Trụ sở: 101 Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 5.624.626

Fax: (04) 3 5.624.628

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông Nguyễn Thọ Tiệm - Ủy viên Hội đồng Quản Trị Điện thoại: (030) 2 210.531



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp ngày 31 tháng 12 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	: 12.865.500 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết	: 128.655.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty Dịch vụ Kiểm toán & Tư vấn UHY

Địa chỉ: Tầng 5-6, Số 136 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (04) 37.557.446

Fax: (04) 37.557.448

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: 101 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (04) 35.624.626

Fax: (04) 35.624.628

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về tỷ giá và lãi suất.....	5
3. Rủi ro đặc thù.....	5
4. Rủi ro về luật pháp.....	7
5. Rủi ro khác	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	8
1. Tổ chức niêm yết : Công Ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.....	8
2. Tổ chức tư vấn : Công Ty Cổ phần Chứng khoán An Bình.....	8
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	10
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	10
2. Danh sách cổ đông.....	17
3. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với tổ chức niêm yết.	19
4. Hoạt động kinh doanh.....	20
5. Vị thế Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng Ngành.....	29
6. Chính sách đối với người lao động.....	33
7. Chính sách cổ tức.....	35
8. Tình hình hoạt động tài chính	35
9. Các chỉ tiêu cơ bản.....	35
10. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2007- 2008.....	39
11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	40
12. Tài sản.....	54
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo	56
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	58
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết ...	58

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	58
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	59
1. Loại chứng khoán	59
2. Mệnh giá.....	59
3. Tổng số chứng khoán niêm yết	59
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành.....	59
5. Phương pháp tính giá.....	60
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	60
7. Các loại thuế có liên quan	61
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	62
1. Tổ chức niêm yết.....	62
2. Tổ chức tư vấn.....	62
3. Tổ chức kiểm toán	63
VII. PHỤ LỤC	64
1. Phụ lục 1: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008.....	64
2. Phụ lục 2: Báo cáo tài chính Công ty Q1 năm 2009.....	64
3. Phụ lục 3: Biên bản Xác định giá trị doanh nghiệp	64
4. Phụ lục 4: Điều lệ Công ty	64
5. Phụ lục 5: Sơ yếu lý lịch, cam kết nắm giữ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	64
6. Phụ lục 6: Quy chế quản trị Công ty.....	64
7. Phụ lục 7: Quy trình công bố thông tin	64
8. Phụ lục 8: Các tài liệu khác.....	64

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Trong nền kinh tế nước ta, ngành điện đóng vai trò là ngành kinh tế trọng điểm, cung cấp nhiên liệu cho hoạt động của các ngành công nghiệp khác. Do đó, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế sẽ có những ảnh hưởng nhất định đối với ngành điện nói chung và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình nói riêng.

Kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây đạt tốc độ phát triển GDP khá cao: Năm 2003 đạt 7,3%, năm 2004 đạt 7,7%, năm 2005 đạt 8,4%, năm 2006 đạt 8,17%, năm 2007 đạt 8,48%, năm 2008 kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng 6,18% (*Nguồn: Tổng cục Thống kê – Bộ kế hoạch và đầu tư và Ngân hàng thế giới World Bank*). Tốc độ tiêu thụ điện chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi tốc độ tăng trưởng kinh tế. Khi thu nhập của người dân tăng lên, nhu cầu sử dụng điện tạo cầu cho ngành tăng trưởng nhanh chóng, ngược lại, khi nền kinh tế lâm vào khủng hoảng, mức cầu đối với sản phẩm điện giảm sút nên doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ bị giảm sút tương ứng.

2. Rủi ro về tỷ giá và lãi suất

Hiện tại Công ty không phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ. Tuy nhiên, ngày 02/04/2008 Tập đoàn Điện lực Việt Nam có Công văn số 1484/EVN-TCCB&ĐT gửi Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình. Trong đó có nêu rõ: Chuyển giao cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình làm chủ đầu tư dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 1 (2x300MW), tổng mức đầu tư dự kiến là 756,46 triệu USD, sau khi Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý có liên quan theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Nhà máy này được đặt tại Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, cạnh sông Trà Lý, theo kế hoạch dự án sẽ khởi công vào cuối năm 2009, dự kiến tổ máy thứ nhất của Nhà máy sẽ phát điện vào Quý 4 năm 2012 và hoàn thành toàn bộ dự án vào năm 2013. Vì vậy, sau khi được giao, ngoài nguồn vốn tự có Công ty có khả năng sẽ huy động vốn dưới hình thức vay vốn ODA hoặc/và vay thương mại trong nước và nước ngoài. Do đó trong tương lai Công ty sẽ chịu rủi ro về tỷ giá, lãi suất trong trường hợp giá và lãi suất có những biến động lớn.

3. Rủi ro đặc thù

Chính sách kiểm soát giá đầu vào của sản phẩm điện.

Than, dầu DO và dầu FO là các nguồn nguyên liệu chính cho hoạt động của Công ty. Hiện tại, than và dầu là các mặt hàng thiết yếu thuộc diện bị kiểm soát giá theo Điều 6 Pháp lệnh Giá số 40/2002/PL-UBTVQH 10 có hiệu lực từ ngày 01/07/2002 quy định về thời hạn, loại hàng hóa/dịch vụ thuộc diện bị kiểm soát do Chính phủ thực hiện. Việc thay đổi

các chính sách đối với mặt hàng than và dầu sẽ gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Cơ chế phân phối sản phẩm đầu ra.

Sản phẩm điện của Công ty hiện được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam-(EVN) trên cơ sở hợp đồng mua bán điện. Giá bán buôn điện sẽ do Cục Điều tiết Điện lực thuộc Bộ Công Thương tham mưu cho Bộ trưởng quyết định. Do đó, những thay đổi trong chính sách giá của các cơ quan nhà nước sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Chính sách ổn định nguồn điện cho hệ thống điện quốc gia

Theo yêu cầu kỹ thuật, các tổ máy sẽ thực hiện bảo dưỡng sau một thời gian hoạt động nhất định. Tuy nhiên, do yêu cầu ổn định nguồn điện quốc gia nhất là tại các thời gian cao điểm tiêu dùng điện trong năm, công việc bảo dưỡng có thể không theo như kế hoạch và do đó tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Cạnh tranh trong lĩnh vực sản xuất điện

Lĩnh vực điện hiện đang có nhiều tiềm năng do thực trạng nhu cầu tiêu dùng điện phục vụ sinh hoạt của dân chúng và yêu cầu phát triển kinh tế rất cao nên các nhà đầu tư trong và ngoài nước rất quan tâm đến lĩnh vực này. Hiện nay, nhiều tập đoàn, tổng công ty thuộc khối nhà nước và ngoài nhà nước đã tiến hành đầu tư vào sản xuất điện như: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam, các tổng công ty như Tổng công ty Sông Đà và các dự án đầu tư theo cơ chế BOT, IPP.

Hơn nữa, ngoài các lĩnh vực sản xuất điện truyền thống như nhiệt điện, thủy điện, các nguồn năng lượng khác cũng đang được nghiên cứu, khai thác để sản xuất điện như điện khí, phong điện, điện sử dụng năng lượng mặt trời, địa nhiệt, điện sinh khối, điện hạt nhân...

Sự tham gia của các thành phần vào sản xuất điện sẽ tạo ra thị trường sản xuất điện cạnh tranh, một phần theo Quy hoạch phát triển ngành Điện, một phần do lợi ích lớn khi đầu tư vào ngành Điện. Đây cũng là một yếu tố ảnh hưởng tiềm tàng đến lợi thế cạnh tranh của Công ty và từ đó đòi hỏi Công ty phải có những điều chỉnh chiến lược thích hợp để thích nghi với môi trường cạnh tranh ngày càng tăng.

Rủi ro về nguyên vật liệu

Do đặc thù là Nhà máy nhiệt điện than nên nguồn nguyên liệu chính để sản xuất của Công ty là than và dầu. Trong vài năm gần đây nền kinh tế Việt Nam đạt được mức phát triển ổn định, than là nguyên liệu chính cho một số ngành công nghiệp như: điện, xi măng, giấy... Bên cạnh đó thì giá than thế giới cũng tăng nhanh do nhu cầu than ngày càng cao,

trong khi nguồn nguyên liệu này chỉ có hạn. Do những yếu tố trên nên sự biến động của giá than cũng ảnh hưởng khá lớn đến yếu tố giá thành đầu vào của Công ty.

Dầu cũng là một trong những nguyên liệu của quá trình sản xuất. Nhu cầu tiêu thụ dầu trong nước chủ yếu từ nguồn nhập khẩu nên khi giá dầu trên thế giới biến động cũng ảnh hưởng tới giá dầu đầu vào của Công ty tuy nhiên do dầu không phải là nguyên liệu chính nên những biến động này chỉ ảnh hưởng nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về sản xuất

Một điểm đặc thù của nhà máy là nhà máy sản xuất điện nên các tổ máy của Công ty phải hoạt động 24h/ngày, chỉ ngừng hoạt động trong thời gian bảo dưỡng, đại tu hoặc có sự cố. Đến nay các máy phát, Turbin, hệ thống đường ống nước tuần hoàn và một số thiết bị khác đều hoạt động bình thường. Tuy nhiên do máy móc và công nghệ đã hoạt động trong một thời gian dài nên trong quá trình sản xuất không tránh khỏi rủi ro. Để giảm thiểu rủi ro sản xuất này, Công ty thường xuyên có kế hoạch bảo dưỡng, tu sửa và kiểm tra thiết bị trong suốt thời gian vận hành, thực hiện quy trình vận hành nghiêm ngặt, đặt mục tiêu an toàn lao động và duy trì sản xuất liên tục.

Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Theo mô hình hoạt động của ngành Điện hiện tại, điện sản xuất ra, ngoài việc tiêu dùng nội bộ, sẽ được bán cho công ty truyền tải điện và từ đó được truyền tải và phân phối đến người tiêu dùng cuối cùng. Theo quyết định số 38/2007/QĐ-TTg ngày 20/03/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, truyền tải điện là lĩnh vực nhà nước đầu tư 100% vốn và theo Quy hoạch điện VI lĩnh vực truyền tải điện sẽ được tổ chức thành một Tổng công ty 100% vốn nhà nước. Mô hình tổ chức trên hình thành thị trường độc quyền mua đối với điện sản xuất. Hiện tại, hệ thống truyền tải điện, gồm các công ty truyền tải điện I, II, III, IV, đều do EVN sở hữu 100% vốn, Mặc dù, hiện tại EVN sở hữu 54,76% tổng số cổ phần của Công ty, chính sách mua bán điện của EVN có thể thay đổi và do đó sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro về luật pháp

Là một doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp quy liên quan do đó bất kỳ sự thay đổi nào về luật pháp liên quan cũng sẽ gây khó khăn cho Công ty nhất là trong thời kỳ luật pháp nước ta đang trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện nhằm đạt được mục tiêu hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, Công ty niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội

nên Công ty phải tuân thủ Luật Chứng Khoán, và các văn bản pháp luật có liên quan của Ủy ban chứng khoán, Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Là một nhà máy nhiệt điện nên ít nhiều hoạt động sản xuất của Công ty cũng ảnh hưởng tới môi trường, do đó chịu sự điều chỉnh của Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản pháp quy liên quan đến việc bảo vệ môi trường.

Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang nắm 54.76% tổng số cổ phần của Công ty nên các chính sách quản lý của Tập đoàn cũng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, khủng bố... là những rủi ro bất khả kháng. Nếu xảy ra, thiệt hại về tài sản, con người có thể sẽ lớn và ảnh hưởng tình hình chung của doanh nghiệp. Đây là những rủi ro được đánh giá là khả năng xảy ra thấp.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.

1. Tổ chức niêm yết : Công Ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Ông Trần Kế Tấn : Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Ông Phạm Ngọc Hòa : Tổng Giám đốc

Ông Lương Quang Việt: Kế toán trưởng

Bà Lương Thị Nguyệt : Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết hoặc đã thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn : Công Ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Hồng Quân

Chức vụ : Quyền Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Công ty	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
NBTPC	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
EVN	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Vinacomin	Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam
ABS	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
BKS	Ban Kiểm soát
KTT	Kế toán trưởng
TSCĐ	Tài sản cố định
TTGDCK	Trung tâm giao dịch chứng khoán
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
Cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Điều lệ	Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
CMND	Chứng minh nhân dân
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
BOT	Hình thức xây dựng – kinh doanh – chuyên giao
IPP	Hình thức độc lập
SXKD	Sản xuất kinh doanh
VNĐ	Việt Nam đồng
USD	Đô la Mỹ

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về Công ty

Tổ chức niêm yết	:	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH
Tên giao dịch quốc tế	:	Ninh Binh Thermal Power Joint-Stock Company
Tên viết tắt	:	NBTPC
Địa chỉ	:	Phường Thanh Bình- Thành phố Ninh Bình- Tỉnh Ninh Bình
Điện thoại	:	030.3210.537
Fax	:	030.3873.762
Website	:	http://www.nbtpc.com.vn

Logo Công ty



Vốn điều lệ	:	128.655.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tám tỷ sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng)
Số lượng niêm yết	:	12.865.500 cổ phiếu
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình tiền thân là Nhà máy Điện Ninh Bình trực thuộc Công ty Điện lực miền Bắc được thành lập theo Quyết định số 119/ĐT-NCQLKT ngày 17/01/1974 của Bộ trưởng Bộ Điện và Than.

Theo Quyết định số 113.NL/TCCB-LĐ ngày 04/03/1995 của Bộ Năng lượng, Nhà máy Điện Ninh Bình là đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc, thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) kể từ ngày 01 tháng 4 năm 1995.

Ngày 30/03/2005, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra quyết định số 13/2005/QĐ-BCN-TCCB chuyển Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình thành Công ty Nhiệt điện Ninh Bình, là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam.

Ngày 29/12/2006, Bộ Công nghiệp đã có Quyết định số 3954/QĐ-BCN về việc phê duyệt phương án CPH và chuyển Công ty Nhiệt điện Ninh Bình thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.

Ngày 11/12/2007, Đại hội đồng cổ đông lần đầu thành lập Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình đã được tổ chức tại Hội trường Công ty. Đại hội đã nhất trí thực hiện đăng ký niêm yết và giao dịch cổ phiếu của Công ty trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện chủ trương và thời điểm niêm yết.

Ngày 01/01/2008 Công ty Nhiệt điện Ninh Bình chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp .

Trải qua hơn 30 năm hoạt động, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình đã vinh dự được Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các ngành, các cấp trao tặng nhiều danh hiệu và phần thưởng cao quý:

- Huân chương Lao động Hạng nhất năm 2003
- Huân chương Lao động Hạng hai năm 1978, 1986, 1997
- Huân chương Lao động Hạng ba năm 1975, 1982
- Huân chương Chiến công Hạng ba năm 1990
- Cờ thi đua xuất sắc Chính phủ năm 2006
- Cờ thi đua xuất sắc tập đoàn 2007
- Cờ thi đua xuất sắc tỉnh Ninh Bình năm 2006
- Giải nhất giải thưởng Vifotech về ứng dụng khoa học công nghệ năm 2003
- Giải thưởng môi trường của Bộ TNMT năm 2005
- Giải thưởng thương hiệu xanh bền vững năm 2008

Cùng rất nhiều bằng khen, giấy khen, danh hiệu thi đua xuất sắc. Đây là những phần thưởng xứng đáng công nhận những nỗ lực và cố gắng to lớn của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty trong suốt những năm qua.

Một số hình ảnh của Công ty



Toàn cảnh Công ty



Phó thủ tướng Hoàng Trung Hải và Lãnh đạo Tỉnh Ninh Bình về thăm Công ty



Lễ đón nhận

Huân chương Lao động Hạng Nhất năm 2004



Phòng điều khiển trung tâm

1.3 Lĩnh vực đăng ký kinh doanh

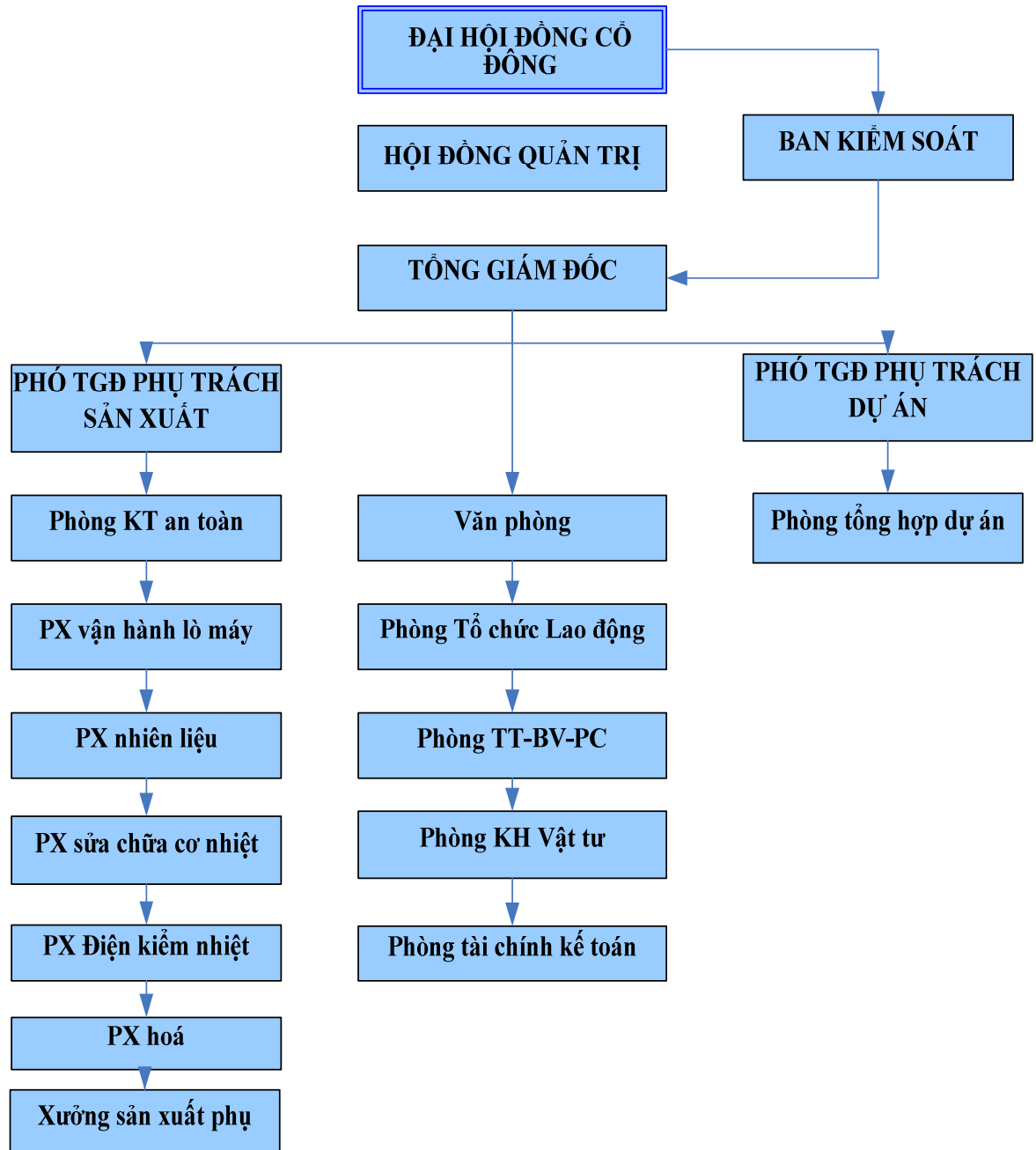
Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp ngày 31 tháng 12 năm 2007, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; nhiệt, cơ, công trình kiến trúc nhà máy điện;
- Lắp đặt hệ thống điện (đường dây và trạm biến áp);
- Sản xuất đất đèn, vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng;

- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đầu tư tài chính xây dựng các dự án nguồn điện;
- Kinh doanh bất động sản;
- Lập dự án đầu tư, xây dựng, quản lý các dự án xây dựng; tư vấn, giám sát thi công lắp đặt công trình;
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

1.4 Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty



1.5 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có các quyền sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS; phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;
- Các quyền khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp 2005 và Điều lệ.

1.6 Hội đồng quản trị

Số thành viên HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp 2005 và Điều lệ.

1.7 Ban kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ của Ban:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp 2005 và Điều lệ.

1.8 Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện và các cán bộ quản lý khác của Công ty;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

1.9 Khối các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ bao gồm

- *Văn phòng*: Thực hiện các chức năng Hành chính - Quản trị - Đời sống - Y tế và công tác thi đua khen thưởng.
- *Phòng Tổ chức lao động*: Tham mưu thực hiện các chức năng về công tác tổ chức, cán bộ, lao động tiền lương, đào tạo và thực hiện các chế độ chính sách.

- **Phòng Thanh tra - Bảo vệ - Pháp chế:** Tham mưu cho lãnh đạo Công ty về công tác Thanh tra; giữ gìn an ninh trật tự và công tác Pháp chế, thường trực công tác tự vệ quân sự và các nhiệm vụ khác có liên quan.
- **Phòng Kế hoạch - Vật tư:** Tham mưu và thực hiện các chức năng kế hoạch, quản lý cung ứng vật tư, nhiên liệu, xuất nhập khẩu thiết bị, các chức năng kinh doanh khác.
- **Phòng Kỹ thuật An toàn:** Tham mưu và thực hiện các chức năng quản lý kỹ thuật, kỹ thuật an toàn - BHLĐ, quản lý môi trường và công nghệ thông tin phục vụ sản xuất - kinh doanh của Công ty.
- **Phòng Tài chính - Kế toán:** Tham mưu và thực hiện các chức năng quản lý tài chính - vốn, thống kê - kế toán.
- **Phòng Tổng hợp dự án:** Là đơn vị tham mưu thực hiện công tác quản lý dự án xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 1.

1.10 Khối các đơn vị sản xuất:

Là các đơn vị sản xuất thực hiện nhiệm vụ quản lý vận hành, sửa chữa toàn bộ các thiết bị trong dây truyền công nghệ sản xuất điện cũng như các thiết bị phục vụ phụ trợ có liên quan, gồm 05 phân xưởng sản xuất chính và 1 xưởng sản xuất phụ.

- Phân xưởng Vận hành lò máy.
- Phân xưởng Nhiên liệu.
- Phân xưởng Sửa chữa Cơ - Nhiệt.
- Phân xưởng Điện - Kiểm nhiệt.
- Phân xưởng Hoá.
- Xưởng Sản xuất phụ.

2. Danh sách cổ đông

2.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần Công ty tại thời điểm 16/3/2009

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Số 18 Trần Nguyên Hãn, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	7.045.440	54,76

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình)

2.2 Cổ đông sáng lập tại thời điểm 16/3/2009

Theo Nghị định 139/2007/NĐ-CP ngày 05/09/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp theo đó Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập. Do đó, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình **hiện không có cổ đông sáng lập.**

2.3 Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 16/3/2009

Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Giá trị vốn cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
Phân theo tổ chức/cá nhân				
1. Cổ đông tổ chức	7.880.440	78.804.400.000	61,25%	7
Cổ đông nước ngoài	-	0	0	0
Cổ đông trong nước	7.880.440	78.804.400.000	61,25%	7
2. Cổ đông cá nhân	4.985.060	49.850.600.000	38,75%	1.414
Cổ đông nước ngoài	-	0	0	0
Cổ đông trong nước	4.985.060	49.850.600.000	38,75%	1.414
Tổng số	12.865.500	128.655.000.000	100%	1.421
Phân theo thành phần kinh tế				
1. Cổ đông nhà nước	7.045.440	70.454.400.000	54,76%	1
2. Cổ đông ngoài nhà nước	5.820.060	58.200.600.000	45,24%	1.420
Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
Cổ đông trong nước	5.820.060	58.200.600.000	45,24%	1.420
Tổng số	12.865.500	128.655.000.000	100%	1.421

Nguồn: Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình

- Căn cứ Quyết định số 3945/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Nhiệt điện Ninh Bình thành công ty cổ phần của Bộ Công Nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 128.655.000.000 đồng, trong đó cổ phần nhà nước do Tập Điện lực Việt Nam nắm giữ là 5.561.405 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ

- Ngày 31/08/2007, Bộ Công Nghiệp có Quyết định số 0421/QĐ-BCT về việc sửa đổi khoản 4, khoản 6 Điều 1 Quyết định số 3495/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ Công Nghiệp về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Nhiệt điện Ninh Bình thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình, trong đó điều chỉnh phần vốn cổ phần Nhà nước (do Tập đoàn Điện lực Việt Nam) là 7.045.440 cổ phần, chiếm 54,76% vốn điều lệ, cổ phần bán đấu giá cho người lao động trong Công ty là 2.213.900 cổ phần, chiếm 17,21% vốn điều lệ và cổ phần bán đấu giá công khai là 2.213.900 cổ phần, chiếm 28,03% vốn điều lệ)

3. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với tổ chức niêm yết.

3.1 Những công ty mà tổ chức nắm cổ phần chi phối

Không có

3.2 Những công ty liên doanh, liên kết

Công ty có góp vốn 2,5 tỷ VNĐ, chiếm 5% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc. Đây là công ty được thành lập ngày 17/07/2007 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000636 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc có vốn điều lệ 50 tỷ đồng, hoạt động sản xuất kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ sửa chữa cho các công ty phát điện trong và ngoài EVN.

Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa điện miền Bắc

- Giấy chứng nhận đầu tư: số 0403000636 do Ủy do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 17/07/2007.
- Địa chỉ: Số Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 033.3501087 Fax: 033.3818812
- Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp dịch vụ sửa chữa cho các công ty phát điện trong và ngoài EVN
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 (Năm mươi tỷ đồng)
- Trong đó vốn thực góp tính đến ngày 31/12/2008 là 50.000.000.000 đồng.
- Vốn góp của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình: 2.500.000.000 đồng Hai tỷ năm trăm triệu đồng), chiếm 5% vốn điều lệ Công ty Cổ phần dịch vụ sửa chữa điện Miền Bắc, đến ngày 31/12/2008, Công ty đã hoàn tất việc góp vốn

3.3 Những công ty nắm cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Số 18 Trần Nguyên Hãn, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	7.045.440	54,76

(Nguồn : Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình)

4. Hoạt động kinh doanh

4.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Sản phẩm chính của Công ty là điện, chiếm đa số trong tổng doanh thu của Công ty. Các sản phẩm phụ khác như đất đèn, xỉ than và thu dịch vụ phí bến cảng chiếm chưa đến 3% tổng doanh thu.

❖ Sản lượng sản phẩm của Công ty trong các năm 2007 - 2008, quý I/ 2009

STT	Khoản mục	ĐVT	Năm 2007	Năm 2008	Quý I/ 2009
1	Sản lượng điện sản xuất	Triệu KWh	728,93	751, 666	208,8
2	Đất đèn	Tấn	962	882	266,85

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình)

❖ Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phân theo lĩnh vực hoạt động năm 2007- 2008 , quý 1/2009

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Tỷ trọng	Năm 2008	Tỷ trọng	Quý I/ 2009	Tỷ trọng
DT bán điện	334.400.167.707	97,39%	442.052.162.419	97,62%	128.519.766.081	98,32%
DT bán sản phẩm khác	8.929.307.699	2,60%	10.675.981.481	2,36%	2.183.970.640	1,67%
DT cung cấp dịch vụ	31.314.000	0,01%	89.449.766	0,02%	14.159.090	0,01%
Các khoản giảm trừ DT	0	0	9.171.424		0	
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ	343.360.789.406	100%	452.808.422.242	100%	130.717.895.811	100.%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008)

Trong cơ cấu doanh thu của Công ty, doanh thu bán điện chiếm đa số và tỷ lệ doanh thu bán điện trên tổng doanh thu tăng qua các năm với 97.39% năm 2007 và 97.62% năm 2008. Điều này thể hiện tính chuyên môn hoá cao trong hoạt động SXKD của Công ty.

Ngoài ra Công ty còn kinh doanh một số sản phẩm khác bao gồm sản xuất đất đèn, bán than xi, lệ phí bến cảng, thuê xe...

❖ **Cơ cấu lợi nhuận giai đoạn 2007 - 2008, quý I/ 2009**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Quý I/ 2009
Lợi nhuận bán điện	26.797.980.257	65.454.965.651	20.215.025.142
Lợi nhuận bán sản phẩm khác	839.307.024	1.030.643.449	2.432.702
Lợi nhuận cung cấp dịch vụ	(4.186.785.390)	2.020.760.066	754.444.999
Tổng Lợi nhuận	23.450.501.891	68.506.369.166	20.971.902.843

(Nguồn: Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình)

- Lợi nhuận cung cấp dịch vụ năm 2007 là âm 4.186.785.390 đồng là do từ thời điểm nộp tiền mua cổ phần của Công ty cho đến thời gian chính thức trở thành Công ty Cổ phần kéo dài hơn 3 tháng do vậy Công ty phải trả tiền lãi cho nhà đầu tư theo đúng quy định của Luật hiện hành, tổng số tiền lãi phải trả là 4.570 triệu VNĐ.
- Lợi nhuận bán sản phẩm khác là từ kinh doanh bán đất đèn, xốp, vật tư phế liệu.
- Lợi nhuận bán điện năm 2008 tăng mạnh so với năm 2007 là do giá bán điện đầu ra tăng từ 511 đ/kw lên 617,82 đ/kw. Ngoài ra, khi nguyên liệu đầu vào biến động thì giá bán điện đầu ra cũng sẽ được điều chỉnh theo.

4.2 Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu chính của Công ty bao gồm: than, dầu FO và dầu DO.

- Than: chiếm chủ yếu lượng nguyên liệu của Công ty. Tỷ lệ than tiêu thụ theo thiết kế là 60% than cám 4b và 40% than cám 5. Than được mua của Công ty than miền Bắc thuộc Vinacomin theo hợp đồng đã được ký từ trước. Lượng nhập này được vận chuyển bằng đường sông và giao về tận nơi, tại cảng của Công ty. Giá than bình quân 6 tháng đầu năm 2008 là 412.000 đồng/tấn bao gồm cả chi phí vận chuyển. Hiện tại lượng dự trữ của Công ty đạt khoảng 30.000 tấn, đủ cho sản xuất liên tục trong 20 ngày mà không phải nhập thêm.
- Dầu FO: dùng để kèm lò khi than có chất lượng xấu nên tỷ trọng rất nhỏ. Dầu FO được Công ty mua của Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh chi nhánh Ninh Bình, giá theo giá nhập tháng 5 năm 2006 là 5.700.000 đồng/tấn
- Dầu DO: dùng để kèm lò khi than có chất lượng xấu và là phương án thay thế cho sử dụng dầu FO. Dầu DO được Công ty mua của Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh chi nhánh Ninh

Bình, giá mua bình quân 3 tháng đầu năm 2008 là 12.523 đồng/lít và khi nhập thêm sẽ theo giá thị trường.

Sự ổn định của nguồn nguyên liệu

Đối với các nguyên liệu chính, Công ty thực hiện ký hợp đồng với những nhà cung cấp lớn như Công ty than miền Bắc thuộc Vinacomin, Công ty 27 – Bộ Quốc phòng, Viện cơ khí năng lượng và mỏ, Công ty cổ phần vật tư tổng hợp Hà Nội, Công ty vật tư tổng hợp PETEC, Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh chi nhánh Ninh Bình ... Đây là những công ty đã có quá trình hợp tác với Công ty lâu dài, nên tính ổn định của nguồn nguyên liệu là rất cao.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Giá than và dầu thuộc mặt hàng nhà nước kiểm soát giá nên sự biến động về giá cả nguyên liệu do ảnh hưởng của giá năng lượng trên thế giới và chính sách của Chính phủ, cùng với những điều chỉnh của giá bán buôn điện, nên có khả năng gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty xác định đây là một trong những rủi ro và thực hiện quản lý thông qua các điều khoản trong hợp đồng cung cấp nguyên liệu.

4.3 Chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất năm 2007- 2008 và quý 1/2009

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Quý 1/2009	
	Giá trị (VNĐ)	% DTT	Giá trị (VNĐ)	% DTT	Giá trị (VNĐ)	% DTT
Giá vốn hàng bán	297.721.947.612	86,71%	363.638.519.431	80,31	103.416.714.054	79,11%
Chi phí tài chính	4.824.738.812	1,41%	0	0%	0	0,00%
Chi phí bán hàng	379.480.584	0,11%	414.266.058	0,09%	98.045.417	0,08%
Chi phí QLDN	17.590.759.929	5,12%	22.236.067.787	4,91%	6.980.343.706	5,34%
Tổng cộng	320.516.926.937	93,35%	386.288.853.276	85,31%	110,495,103,177	84,53%

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2008 và Báo cáo tài chính quý 1/2009)

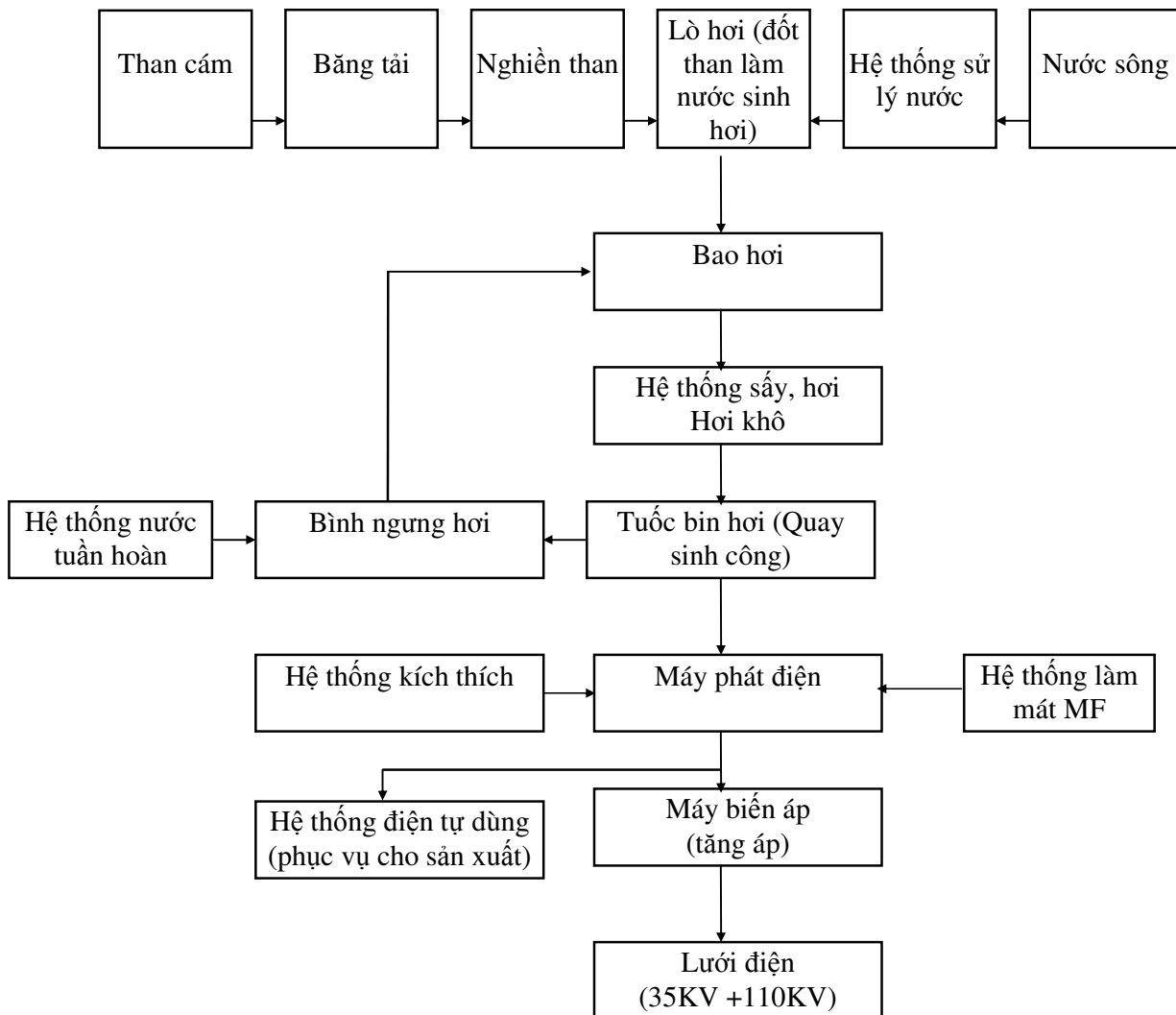
- Chi phí tài chính năm 2007 tăng là khoản chi phí lãi được tính trên phần vốn góp cổ phần của các nhà đầu tư căn cứ theo Điều 1 – Thông tư số 95/2006/TT-BTC ngày 12/10/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung thông tư số 126/2004/TT-BTC ngày 24/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghị định số 187/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về chuyển công ty Nhà nước thành công ty cổ phần.

- Qua bảng tổng hợp chi phí có thể thấy tỷ trọng chi phí sản xuất trên doanh thu có xu hướng giảm dần. Năm 2007 tỷ trọng này là 93.35% năm 2008 là 85.31%. Điều này minh chứng cho hiệu quả SXKD của Công ty, tạo được tính cạnh tranh lớn trong những năm tiếp theo.

4.4 Trình độ công nghệ

Công ty được tổ chức sản xuất theo một chu trình khép kín, trang thiết bị bao gồm tổ lò, máy và các trạm cao thế, hạ thế điện và hệ thống truyền tải nhiên liệu bằng băng tải đưa than vào lò. Kết cấu dây truyền sản xuất vận hành liên tục theo 3 ca 5 kíp không có thời gian gián đoạn.

Sơ đồ 2 : Dây truyền sản xuất của Công ty



❖ **Thuyết minh sơ đồ dây truyền:**

Nhiên liệu chính của nhà máy là than cám 4b và than cám 5 được mua tại Quảng Ninh đưa về cảng tại Công ty rồi vận chuyển vào kho chứa than khô hay đưa thẳng vào lò.

Trước khi đưa than vào buồng lửa, than được chuyển trên băng tải để đi nghiền thành bột nhờ hệ thống nghiền (mỗi lò có 2 hệ thống máy nghiền), than phun vào trong buồng lửa cháy sinh nhiệt truyền vào đường ống sinh hơi biến thành hơi bão hoà đưa lên bao hơi.

Qua các hệ thống phân ly trong bao hơi và các giàn ống quá nhiệt tạo thành hơi quá nhiệt cao áp suất 35-40kg/cm² nhiệt độ 450 độ và được chuyển qua đường ống sang TURBINE.

Khi sang TURBINE hơi quá nhiệt có một năng lượng rất lớn làm quay TURBINE với tốc độ 3.000 vòng/phút và kéo theo máy phát điện quay tạo ra điện năng có điện áp 6.300V, qua máy biến áp nâng lên điện áp 110.000V cấp lên hệ thống lưới điện quốc gia và điện 35.000V cấp điện cho khu vực tỉnh Ninh Bình và các tỉnh lân cận.

Hơi quá nhiệt sau khi sinh công trong TURBINE được ngưng tụ thành nước nhờ bình ngưng tụ sau đó được đưa trở lại lò hơi và tiếp tục nhận nhiệt trong buồng lửa tạo thành hơi quá nhiệt đưa sang TURBINE để sinh công tạo thành một chu trình tuần hoàn khép kín.

❖ **Đặc điểm công nghệ sản xuất**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình bao gồm một nhà máy nhiệt điện do Trung Quốc sản xuất và đưa vào vận hành từ năm 1974. Lò hơi là lò đốt than phun, thiết bị là thiết bị trung áp. Nhà máy có 4 tổ lò máy, mỗi tổ có công suất lắp đặt là 25MW, tổng công suất là 100MW. Bình ngưng được làm bằng hợp kim đồng, hệ thống tuần hoàn lấy trực tiếp từ nước sông, hệ thống điều khiển đo lường Anlog.

Ngoài thực hiện sản xuất kinh doanh tại Công ty như đã nói ở trên, hiện nay Công ty đang được giao nhiệm vụ thay mặt EVN quản lý dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1 được xây dựng tại Xã Mỹ Lộc, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình với tổng công suất lắp đặt là 600 MW gồm 02 tổ máy, mỗi tổ máy có công suất 300MW. Nhà máy sử dụng công nghệ lò hơi cao áp với trình độ tự động hóa cao.

4.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Do việc xác định sản xuất chính của Công ty hiện nay cũng như một số năm tiếp theo vẫn là sản xuất điện và sản phẩm là điện năng nên việc nghiên cứu sản phẩm mới gặp không ít khó khăn. Nhận thức được điều đó nên Công ty có đặt ra chiến lược nghiên cứu sản phẩm mới để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

Công ty vận hành tuân thủ theo các tiêu chuẩn của Luật Điện lực năm 2004 đảm bảo các thông số kỹ thuật tiêu chuẩn theo quy định chung của ngành điện (tần số, điện áp, mức độ ổn định lưới điện...). Để đạt được các tiêu chuẩn trên, do tổ KCS đã thực hiện nghiêm chỉnh các công tác để đảm bảo cho máy móc, thiết bị, các công trình phụ trợ, bãi nhiên liệu, bãi xỉ vận hành tốt như sau :

- Lập kế hoạch chuẩn bị đầy đủ các loại vật tư, thiết bị dự phòng để có thể kịp thời thay thế, khắc phục nhanh chóng nếu xảy ra các sự cố;
- Xây dựng và triển khai thực hiện chế độ bảo dưỡng sửa chữa theo đúng định kỳ. Đối với những thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về sử dụng và an toàn lao động, Công ty đã cho kiểm định chất lượng định kỳ tại những trung tâm kiểm định chất lượng có uy tín và năng lực;
- Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo tay nghề, nâng cao trình độ vận hành cho công nhân, phổ biến và hướng dẫn kịp thời các qui định về Bảo hộ lao động và An toàn lao động tới từng cán bộ công nhân viên của Công ty qua đó nâng cao ý thức cho người lao động, phòng tránh các nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

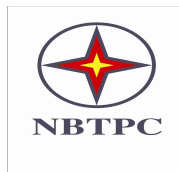
Nhờ thực thi tốt công tác chất lượng sản phẩm và an toàn lao động, Công ty vận hành một cách an toàn, đạt hiệu suất cao, giảm thiểu sự cố kỹ thuật cũng như tai nạn lao động.

4.7 Hoạt động Marketing

Công ty mới chuyển đổi mô hình từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần nên hoạt động marketing chưa được chú trọng, trong thời gian tới với cơ chế hoạt động linh hoạt của Công ty cổ phần thì hoạt động Marketing sẽ được thúc đẩy và nằm trong một phần kế hoạch của Công ty.

4.8 Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại Công ty đang sử dụng logo của EVN với dòng chữ tên Công ty ở bên dưới.



Trong thời gian tới Công ty sẽ chú trọng tới vấn đề đăng ký nhãn hiệu thương mại, phát minh và sáng chế trong thời gian tới để tránh tranh chấp thương mại.

4.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Tên hợp đồng	Đối tác	Sản lượng ký HĐ	Đơn giá	Thời gian thực hiện HĐ
			(KWh)		
1	01/2006/NVNPTC	Tập đoàn điện lực Việt Nam	Tùy theo điều phối chung của Tập đoàn	617,8 đồng/KWh	2007-2010

(Nguồn: Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình)

Công ty đã ký Hợp đồng mua bán điện dài hạn từ năm 2007 - 2010 số 01-2006/NBNPTC ngày 27/12/2006 được ký kết với Tập Đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) với giá bán điện của Công ty là 617,8 đồng/kWh. Trường hợp khi giá nhiên liệu (than, dầu) có biến động thì giá biến đổi sẽ được điều chỉnh tương ứng cho phù hợp với từng giai đoạn bằng các phụ lục hợp đồng.

4.10 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	% Tăng giảm	Quý 1/2009
Tổng tài sản	217.543.062.069	244.940.656.570	12,59%	260.102.666.975
Doanh thu thuần	343.360.789.406	452.808.422.242	31,88%	130.717.895.811
Lợi nhuận từ HĐKD	23.326.154.873	68.638.462.367	194,26%	20.633.718.990
Lợi nhuận khác	124.347.018	(132.093.201)	-206,23%	338.183.853
Lợi nhuận trước thuế	23.450.501.891	68.506.369.166	192,13%	20.971.902.843
Lợi nhuận sau thuế	16.654.187.613	49.339.635.933	196,26%	19.466.464.770
Tỷ lệ cổ tức	N/A	23%		-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008 và Báo cáo tài chính Quý 1/2009)

- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008 tăng 194,26% so với năm 2007 (từ 23.326.154.873 đồng lên 68.638.462.367 đồng) là do giá bán điện được điều chỉnh tăng từ 511VNĐ/KW năm 2007 lên 617,82 đồng/kWh năm 2008.
- Lợi nhuận khác năm 2008 của Công ty âm 132.093.201 đồng nguyên nhân chính là do chi phí thanh lý tài sản tăng.
- Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Ninh Bình mới hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ 01/01/2008 nên trong năm 2007 công ty chưa thực hiện phân chia lợi nhuận dưới hình thức cổ tức. Theo Nghị quyết Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2009 ngày 15/04/2009 của

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình, tỷ lệ cổ tức năm 2008 là 23%. Công ty đã thực hiện trả cổ tức đợt 1 trong năm 2008 với tỷ lệ tương ứng là 8%. Phần còn lại Công ty dự tính sẽ chi trả vào Quý 2/2009

4.11 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi

- Với truyền thống 35 năm xây dựng và trưởng thành, tập thể CBCNV đều là những người gắn bó với Công ty, lúc thuận lợi cũng như khó khăn luôn nêu cao tinh thần truyền thống đoàn kết, vượt qua khó khăn, trở ngại, lại được rèn luyện trong lao động sản xuất, luôn làm việc hết mình vì sự phát triển và tồn tại của Công ty.
- Được kế thừa những ưu điểm của nề nếp quản lý từ những năm trước, khi bước sang mô hình quản lý mới vẫn phát huy được hiệu quả. Năm 2008, Công ty đã ban hành được nhiều quy chế, quy định phù hợp với mô hình quản lý mới, làm cơ sở cho việc điều hành SXKD cũng như nêu cao vai trò trách nhiệm của cán bộ quản lý và CBCNV trong công ty.
- HĐQT, Ban điều hành công ty đều là những cán bộ lâu năm, trưởng thành từ các đơn vị cơ sở nên hiểu rất rõ tình hình hoạt động của Công ty, vì vậy nhìn chung đã có sự chỉ đạo đúng đắn, kịp thời mọi hoạt động của công ty.
- Quá trình đại tu và trung tu lò máy đã được thực hiện đúng tiến độ do đã chuẩn bị tốt vật tư thiết bị phục vụ cho công tác sửa chữa, đảm bảo chất lượng khi đưa vào vận hành, tính ổn định, hiệu quả. Các lò máy không phải kỳ đại tu, trung tu được bảo dưỡng thường xuyên nên vẫn phát được sản lượng cao.
- Công tác điều hành ở các đơn vị theo mô hình mới đã dần dần đi vào nề nếp, chủ động trong công việc nên hiệu quả công việc cao hơn.
- Các phong trào thi đua lao động sản xuất, các phong trào thi đua mũi nhọn như thi đua ca, thi đua kíp vẫn được duy trì và dần đi vào chiều sâu, phát huy được tác dụng, góp phần tích cực đảm bảo sản xuất ổn định, hiệu quả, đồng thời cũng nêu cao được ý thức trách nhiệm, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ của CBCNV.

❖ Khó khăn

- Nền kinh tế thế giới đang trong giai đoạn khủng hoảng, giá vật tư, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu luôn biến động theo chiều hướng tăng nên đã gây rất nhiều khó khăn cho công tác mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, làm tăng chi phí đầu vào dẫn đến tăng giá thành sản xuất điện năng.
- Thị trường chứng khoán biến động mạnh và có chiều hướng đi xuống nên làm ảnh hưởng tới tâm lý của CBCNV và các cổ đông.

- Với hơn 30 năm hoạt động trong cơ chế tập trung bao cấp đã hằn sâu trong tâm trí của mọi người. Tuy rằng đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhanh chóng nắm bắt kịp với cơ chế mới nhưng vẫn còn bộ phận CBCNV chưa thoát ra khỏi lề lối làm việc của cơ chế quản lý cũ, của thời bao cấp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tính chủ động trong công việc, phong cách làm việc còn hạn chế dẫn đến hiệu quả làm việc chưa cao.
- Khi chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, do sắp xếp lại mô hình cơ cấu sản xuất, việc chia tách, sát nhập các đơn vị thành các đơn vị mới theo mô hình mới nên công tác quản lý có nhiều biến động, không tránh khỏi những khó khăn, trở ngại.
- Nguy cơ phát sinh sự cố vẫn luôn tiềm ẩn trong quá trình sản xuất do phải yêu cầu vận hành liên tục với phương thức huy động cao.
- Tình hình cung ứng than cho sản xuất trong nhiều tháng vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Khối lượng và chất lượng than cung ứng thường không đáp ứng được yêu cầu.

Phân tích SWOT

❖ **Điểm mạnh:**

- Là nhà máy nhiệt điện chạy than nên không phụ thuộc nhiều vào các điều kiện tự nhiên như các nhà máy thủy điện, đồng thời Công ty có chi phí giá thành sản xuất điện thấp hơn so với các nhà máy điện chạy bằng dầu và khí trong và ngoài EVN.
- Với trên 30 năm hoạt động, đội ngũ CBCNV Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quản lý và vận hành nhà máy, trình độ chuyên môn được nâng cao, đáp ứng nhu cầu của sản xuất.

❖ **Điểm yếu:**

- Từ ngày thành lập 01/1974 cho đến tháng 6/2005, Công ty là đơn vị hạch toán phụ thuộc EVN nên cơ chế hoạt động còn hạn chế, tính năng động và tự chủ của CBCNV chưa cao.
- Thiết bị chính của nhà máy do Trung Quốc chế tạo đã đưa vào vận hành trên 30 năm, do vậy hàng năm phải ngừng để sửa chữa, bảo dưỡng trong thời gian dài phần nào ảnh hưởng đến sản lượng điện phát ra và làm tăng chi phí giá thành.

❖ **Cơ hội:**

- Sự phát triển kinh tế xã hội trong những năm gần đây đã có ảnh hưởng tích cực đến lĩnh vực sản xuất điện. Nhu cầu dùng điện ngày càng cao và hiện nay ngành Điện chưa đáp ứng được hết nhu cầu về điện của xã hội.
- Chiến lược phát triển ngành Điện giai đoạn 2006 – 2015 được phê duyệt theo Quyết định 110/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18 tháng 7 năm 2007, theo đó phát triển

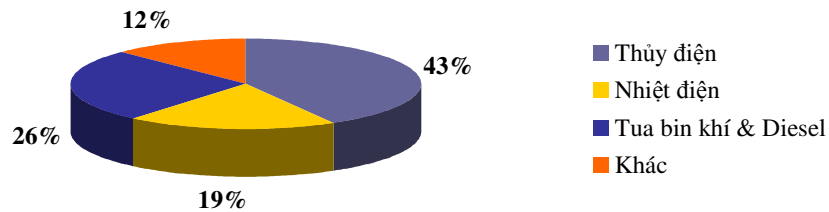
nguồn điện được chia làm 03 giai đoạn. Trong đó, giai đoạn đầu từ năm 2006-2010 dự kiến sẽ đẩy sớm tiến độ một số nhà máy nhiệt điện than.

❖ **Thách thức:**

- Khi nhu cầu về điện ngày càng tăng nhanh thì công nghiệp điện được một số Tập đoàn, Tổ chức kinh tế rất quan tâm đến việc đầu tư vào xây dựng các nhà máy sản xuất điện như Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam và một số tập đoàn khác. Đây có thể là một thách thức đối với các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực nhưng do nhu cầu dùng điện tăng rất nhanh ở Việt Nam nên thách thức này trong thời gian trước mắt chưa phải là thách thức lớn.

5. Vị thế Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng Ngành

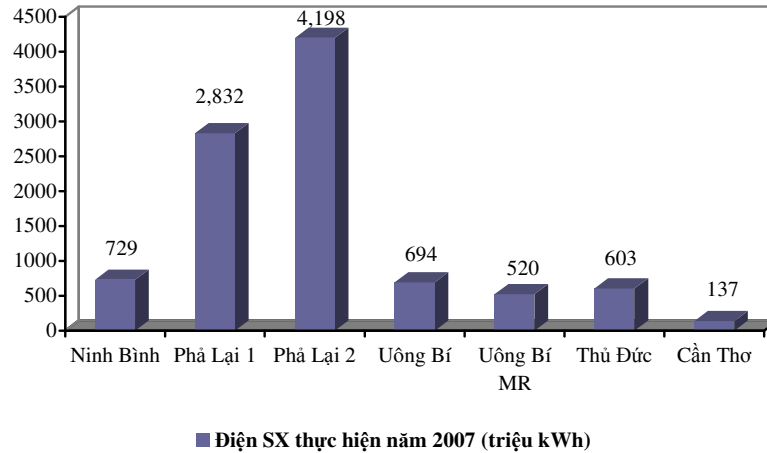
Biểu đồ 4: Cơ cấu điện sản xuất thực hiện năm 2007



5.1 Vị trí của Công ty trong ngành

Công ty là một đơn vị sản xuất và cung cấp điện lớn cho miền Bắc với sản lượng điện cung cấp cho hệ thống khoảng 700 triệu KWh/năm. Năm 2007, với sản lượng gần 729 triệu kWh, Công ty chiếm khoảng 1% tổng lượng điện sản xuất ra trong năm của ngành Điện Việt Nam.

Biểu đồ 5: So sánh điện sản xuất thực hiện năm 2007 của Công ty với một số nhà máy nhiệt điện khác



(Nguồn: Báo cáo Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2007 và Triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2008 của EVN)

Với nhu cầu điện năng của Việt Nam ngày càng tăng mạnh, tốc độ bình quân lớn hơn 16% hàng năm cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam dự báo duy trì trên 7% trong những năm tới sẽ tiếp tục tạo đà cho nhu cầu về điện năng ngày càng tăng cao, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình sẽ vẫn đóng vai trò là một nguồn điện quan trọng. Bên cạnh đó, với chức năng là chủ đầu tư và quản lý nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1, vị thế của Công ty trong ngành sẽ được nâng cao.

5.2 Triển vọng phát triển Ngành

Dự báo nhu cầu ngành Điện Việt Nam

Khi mức sống của người dân càng cao, trình độ sản xuất của nền kinh tế ngày càng hiện đại thì nhu cầu về năng lượng ngày càng lớn.

Hiện tại, các dự báo phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam cho các giai đoạn tới năm 2050 được xây dựng trên cơ sở nhiều nghiên cứu khác nhau. Theo đó, các kịch bản tăng trưởng được chia thành các cấp độ tương ứng với các tỉ lệ tăng trưởng. Cụ thể như sau :

Dự kiến Tỉ lệ tăng trưởng GDP

Đơn vị : %/năm

STT	Chỉ tiêu	2006-2010	2011-2020	2021-2030	2031-2040	2041-2050	Bình quân
1	Nhanh	8,5	8,5	8,0	7,0	6,3	7,56
2	Thấp	6,2	7,0	7,0	6,5	5,0	6,33
3	Cơ sở	7,6	7,2	7,0	6,5	5,0	6,54

(Nguồn: Quy hoạch Phát triển Điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 có xét triển vọng đến 2050)

Theo các kịch bản tăng trưởng kinh tế, trong quy hoạch điện VI đã đưa ra dự báo về nhu cầu điện toàn quốc đến năm 2025.

Nhu cầu điện toàn quốc đến năm 2025

Đơn vị : GWh

	Chỉ tiêu	2005	2010	2015	2020	2025
Nhanh						
	Điện thương phẩm	45.603	101.148	187.329	292.39	432.335
	Điện sản xuất	53.462	117.341	215.817	334.16	489.621
	Bình quân đầu người (<i>kWh/người</i>)	548	1.152	2.014	2.988	4.2
Thấp						
	Điện thương phẩm	45.603	91.948	146.898	216.433	308.511
	Điện sản xuất	53.462	106.669	169.238	247.352	349.39
	Bình quân đầu người (<i>kWh/người</i>)	548	1.048	1.579	2.189	2.997
Cơ sở						
	Điện thương phẩm	45.603	97.111	164.961	257.26	381.16
	Điện sản xuất	53.462	112.658	190.047	294.012	431.664
	Bình quân đầu người (<i>kWh/người</i>)	548	1.106	1.774	2.629	3.703

(Nguồn : Quy hoạch Phát triển Điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2025 có xét triển vọng đến 2050)

Nhu cầu điện năm 2010 dự kiến theo kịch bản cơ sở là 97.111 GWh và điện sản xuất là 112.658GWh. Qua đó, nhu cầu đầu tư phát triển điện sản xuất là rất lớn. Ngoài việc triển khai xây dựng các nhà máy sản xuất điện mới thì việc duy trì, bảo dưỡng các nhà máy có sẵn cũng rất quan trọng để đáp ứng nhu cầu điện ngày càng tăng cao.

Với nhu cầu điện ngày càng cấp thiết thì Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp điện cho Quốc gia.

Định hướng phát triển ngành Điện

Định hướng chung: phát triển đồng bộ nguồn và lưới điện theo hướng hiện đại. Phát triển thủy điện, điện than, nhiệt điện khí, điện hạt nhân, kết hợp trao đổi, liên kết lưới điện với các nước trong khu vực.

Định hướng phát triển thị trường điện :

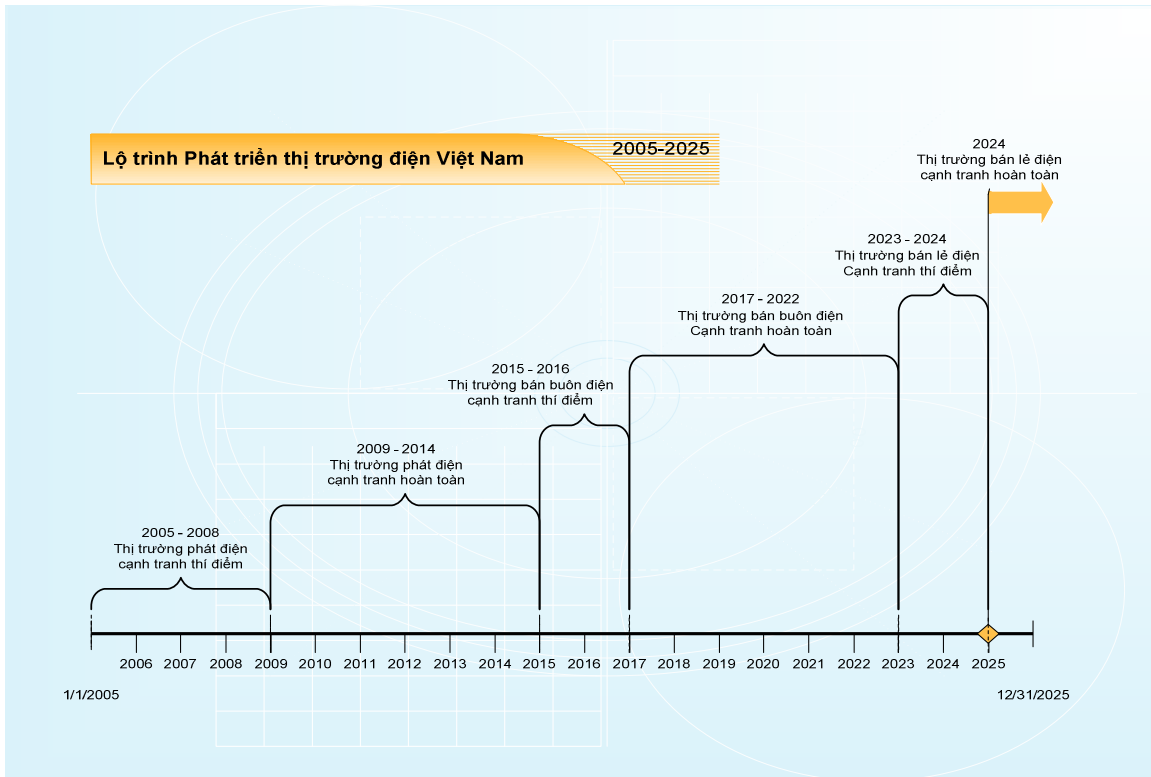
- Nguyên tắc: (i) đối với khâu phát điện, các nhà máy thuộc EVN chuyển dần sang hạch toán độc lập, tham gia cạnh tranh, thực hiện bán buôn điện qua công ty truyền tải điện hoặc thị trường thông qua hợp đồng bán điện; (ii) đối với khâu truyền tải, mang tính độc

quyền tự nhiên dự kiến sẽ được tổ chức thành một Công ty truyền tải duy nhất thực hiện chế độ hạch toán độc lập; (iii) đối với khâu phân phối điện, các công ty điện lực sẽ chịu trách nhiệm bán điện đến các hộ khách hàng trên địa bàn và chịu trách nhiệm đầu tư lưới điện phân phối, khuyến khích thành lập các công ty điện lực độc lập theo hình thức cổ phần hay tư nhân liên doanh với nước ngoài.

- Các giai đoạn hình thành thị trường điện của Việt Nam
 - Giai đoạn I - thị trường nội bộ: EVN là tổng công ty nhà nước quản lý cả ba khâu: sản xuất-truyền tải và phân phối điện.
 - - Giai đoạn II-hình thành và phát triển thị trường phát điện cạnh tranh.
 - - Giai đoạn III- hình thành và phát triển thị trường bán buôn điện cạnh tranh.
 - - Giai đoạn IV – hình thành thị trường bán lẻ.

Ngày 26/01/2006, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 26/2006/QĐ-TTg phê duyệt lộ trình, các điều kiện hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện lực tại Việt Nam. Trong đó tại Khoản 2 Điều 1 có nêu rõ lộ trình cụ thể như sau:

Biểu đồ 6: Lộ trình phát triển thị trường điện Việt Nam 2005 - 2025



5.3 Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Việc chuyển đổi mô hình từ công ty Nhà nước sang công ty cổ phần phù hợp với chính sách của Nhà nước về việc cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước, bên cạnh đó cũng giúp Công ty mở rộng khả năng hoạt động kinh doanh đáp ứng được với sự phát triển của đất nước khi chúng ta vừa gia nhập WTO.

Tiến hành cổ phần hóa và triển khai niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thể hiện sự định hướng phát triển phù hợp với định hướng của Ngành, chính sách của Nhà nước. Việc niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội còn quảng bá hình ảnh và nâng mức tín nhiệm của Công ty từ đó tạo điều kiện cho Công ty tiếp cận với thị trường vốn trong nước. Với kết quả kinh doanh khả quan và ở điều kiện thị trường thuận lợi, Công ty có thể thực hiện huy động vốn dưới hình thức tăng vốn chủ sở hữu hoặc sử dụng các công cụ nợ để chủ động cung cấp tài chính cho dự án mà Công ty làm chủ đầu tư hoặc quản lý. Điều này hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển thị trường sản xuất điện cạnh tranh của Chính phủ.

6. Chính sách đối với người lao động

6.1 Số lượng người lao động trong Công ty, phân loại theo trình độ

Tổng số lao động của Công ty tính đến ngày 31/12/2008 là 972 người. Lao động phân loại theo trình độ được thể hiện ở bảng sau:

Cơ cấu lao động (tại ngày 31/12/2008)

Trình độ	Số lượng lao động (Người)	Tỷ lệ (%)
Đại học	150	15,44
Cao đẳng và trung cấp	160	16,46
Công nhân kỹ thuật	536	55,14
Lao động khác	126	12,96
Tổng số	972	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình)

6.2 Thời gian làm việc, nghỉ phép, nghỉ ốm, điều kiện làm việc

Thời gian làm việc

Công ty tổ chức thời gian làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần.

Đối với cán bộ và công nhân trực tiếp sản xuất, Công ty tổ chức sản xuất theo ca, đảm bảo đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất kinh doanh, các nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và có đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ ốm

Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản được bảo đảm theo đúng quy định của Bộ luật Lao động.

Điều kiện làm việc

Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

6.3 Chính sách đào tạo, lương thưởng, phúc lợi, trợ cấp

Chính sách đào tạo

Trong những năm qua Công ty đã hết sức chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực thông qua các khoá đào tạo về chuyên môn, đào tạo lý luận chính trị, đào tạo nâng cao theo chuyên đề với các tiêu chí và chỉ tiêu được quy định rõ ràng trong Quy chế Tuyển dụng – Đào tạo của Công ty. Với mục tiêu đào tạo phải xuất phát từ nhu cầu của sản xuất và quản lý của Công ty, thông qua tuyển chọn và đào tạo nhằm cung cấp cho Công ty những cán bộ kỹ thuật và nghiệp vụ giỏi, Công ty đã đào tạo và tổ chức nhiều đợt thi nâng bậc cho đội ngũ công nhân kỹ thuật và đào tạo chuyên môn cho các cán bộ quản lý.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và trợ cấp

Lương: Công ty áp dụng chính sách lương theo quy định Nhà nước phù hợp với đặc trưng ngành nghề với các nguyên tắc:

- Làm công việc nào hưởng lương theo công việc đó;
- Trình độ, năng lực ở cấp nào thì hưởng lương theo cấp đó và theo thang bảng lương đã quy định chức danh ngành nghề của Nhà nước;
- Những người được đề nghị vận dụng nâng bậc lương tiếp theo trước khi về nghỉ chế độ 2 năm (nếu thang bảng lương đó còn bậc), với điều kiện đã hưởng bậc lương dưới liền kề là 2 năm (đủ 24 tháng) trở lên.

Thưởng: nhằm khuyến khích, động viên CBCNV làm nhiệm vụ sản xuất điện không chỉ phần đầu hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất mà còn phải đảm bảo vận hành an toàn với các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tốt nhất đáp ứng tốt yêu cầu của hệ thống, Công ty có đưa ra quy chế thưởng vận hành an toàn và hoàn thành nhiệm vụ cho công nhân viên chức. Đối tượng áp dụng:

- Công nhân trực tiếp quản lý vận hành thiết bị theo chế độ 3 ca 5 kíp của các phân xưởng: Nhiên liệu, Vận hành lò máy, Hoá, Điện-kiểm nhiệt, Trường ca;
- Công nhân sửa chữa, thí nghiệm, gia công cơ khí thuộc các phân xưởng: Nhiên liệu, Vận hành lò máy, Hoá, Sửa chữa, Sửa chữa cơ-nhiệt, Điện-kiểm nhiệt, Hoá;
- Cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nghiệp vụ và phục vụ của các phòng, phân xưởng và cán bộ chuyên trách Đảng và đoàn thể,

Mức thưởng vận hành an toàn được tính ở mức 20% lương cấp bậc và chức vụ dựa trên tổng số điểm từng tháng và quy đổi tổng số điểm về khung điểm chuẩn tương ứng với mức % tiền thưởng.

Ngoài việc thực hiện thưởng vận hành an toàn và hoàn thành nhiệm vụ từng tháng, Công ty thực hiện chế độ thưởng đột xuất, thưởng cuối năm khi Công ty có lợi nhuận.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật.

Trợ cấp : Công ty có đã Quy định số 116/NBTPC/TCLĐ ngày 28/04/2008 về việc Hỗ trợ kinh phí từ Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty đối với Người lao động có đơn tình nguyện về nghỉ chế độ đối với các trường hợp :

- Về hưu trước tuổi
- Xin nghỉ hưởng trợ cấp một lần
- Xin chuyển công tác ra ngoài Công ty

7. Chính sách cổ tức

Điều lệ Công ty quy định việc chi trả cổ tức cho cổ đông từ nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty nhưng không vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng Quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

8. Tình hình hoạt động tài chính

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

9. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 35
Máy móc thiết bị sản xuất	7 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

Trong năm 2008, Công ty thay đổi chính sách khấu hao tài sản cố định theo hướng dẫn tại Công văn số 13762/BTC-TCDN ngày 12 tháng 10 năm 2007 của Bộ tài chính về việc Khấu hao của các Công ty Điện lực và Công ty Phát điện. Theo đó tài sản cố định được tính khấu hao trên cơ sở giá trị còn lại và thời gian sử dụng còn lại của chúng tại ngày 31/12/2007 theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Việc thay đổi chính sách khấu hao này dẫn đến chi phí khấu hao tài sản cố định năm 2008 tăng lên so với năm 2007 là 30.856.493.739 đồng.

❖ **Mức lương bình quân**

Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2007 là 3.500.000 đồng, năm 2008 là 4.500.000 đồng. Đây là một mức khá cao đối với các đơn vị khác trong địa bàn tỉnh Ninh Bình.

❖ **Các khoản nợ đến hạn phải trả**

Các khoản nợ đến hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ trong các năm qua, hiện tại Công ty không có nợ quá hạn.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện việc nộp thuế cho Nhà nước theo đúng luật định.

Tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước năm 2007- 2008

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2008	31/12/2008
1	Thuế GTGT	1.992.223.531	4.157.616.007
2	Thuế TNDN	6.124.759.264	5.962.790.668
3	Thuế thu nhập cá nhân	77.799.300	1.200.000.000
4	Thuế Tài nguyên	102.036.977	126.115.320
Tổng		8.296.819.072	11.446.521.995

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2008)

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Từ 01/01/2008 công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp ngày 31/12/2007. Việc trích quỹ sẽ dựa trên kết quả kinh doanh và quyết định của đại hội đồng cổ đông phù hợp với điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật liên quan.

Số dư các quỹ cuối năm 2008 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008
Quỹ đầu tư phát triển	660.970.370
Quỹ dự phòng tài chính	2.466.981.797
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	493.396.359
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15.094.663.554
Tổng	18.716.012.080

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008)

❖ **Tổng dư nợ vay**

Tính đến ngày 31/12/2008 Công ty không có các khoản dư nợ vay.

❖ **Tình hình công nợ**

Công nợ phải thu của Công ty 2 năm 2007 – 2008 và quý 1/2009 như sau:

Chỉ tiêu	1/1/2008		31/12/2008		31/03/2009	
	Số tiền (VNĐ)	% Tổng tài sản	Số tiền (VNĐ)	% Tổng tài sản	Số tiền (VNĐ)	% Tổng tài sản
Các khoản phải thu	29.096.303.088	13,37%	57.078.710.701	23,30%	69.813.071.907	26,84%
Phải thu khách hàng	718.470.251	0,33%	39.485.505.204	16,12%	53.186.573.255	20,45%
Trả trước cho người bán	90.222.409	0,04%	4.612.303	0,00%	323.663.724	0,12%
Phải thu nội bộ ngắn hạn	26.569.639.506	12,21%	14.762.235.919	6,03%	14.762.235.919	5,68%
Các khoản phải thu khác	1.717.970.922	0,79%	2.826.357.275	1,15%	1.540.599.009	0,59%

(Nguồn : Báo cáo kiểm toán năm 2008 và Báo cáo tài chính Quý 1/2009)

- Chỉ tiêu “Phải thu của khách hàng” năm 2007 là 718.470.251 đồng, năm 2008 là 39.485.505.204 đồng. Nguyên nhân của việc tăng đột biến này là do năm 2007, EVN chưa thành lập công ty mua bán điện nên tiền điện công ty bán cho EVN được hạch toán vào mục “Phải thu nội bộ ngắn hạn”. Nhưng sang năm 2008 thì doanh thu bán điện này được thu trực tiếp từ Công ty mua bán điện nên công ty hạch toán vào tài khoản phải thu khách hàng. Cụ thể là đến 31/2/2009 Nợ phải thu là 53.186.573.255 đồng
- Tại thời điểm 31/03/2009, giá trị 14.762.235.919 đồng, khoản Phải thu nội bộ là khoản tiền do Tập đoàn Điện lực Việt Nam chia thưởng cho CBCNV của năm 2007 và đã được Bộ tài chính chấp thuận.

Công nợ phải phải trả của Công ty 2 năm 2007 – 2008 và quý 1/2009 như sau:

Chỉ tiêu	1/1/2008		31/12/2008		31/03/2009	
	Số tiền (VNĐ)	% Tổng tài sản	Số tiền (VNĐ)	% Tổng tài sản	Số tiền (VNĐ)	% Tổng tài sản
Các khoản phải trả	88.888.062.069	40,86%	72.011.684.270	29,40%	92.517.836.742	28,15%
Nợ ngắn hạn	88.888.062.069	40,86%	71.481.304.770	29,18%	92.257.086.342	28,05%
Phải trả người bán	8.496.179.708	3,91%	16.159.276.491	6,60%	18.477.207.145	7,10%
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	8.296.819.072	3,81%	11.446.521.995	4,67%	13.629.892.110	5,24%
Phải trả người LĐ	28.488.898.055	13,10%	16.668.622.688	6,81%	8.229.832.130	3,16%

Chỉ tiêu	1/1/2008		31/12/2008		31/03/2009	
	Số tiền (VNĐ)	% Tổng tài sản	Số tiền (VNĐ)	% Tổng tài sản	Số tiền (VNĐ)	% Tổng tài sản
Chi phí phải trả	7.583.528.799	3,49%	5.267.360.457	2,15%	9.606.183.003	3,69%
Phải trả nội bộ	264.503.190	0,12%	159.517.573	0,07%	159.517.573	0,06%
Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.758.133.245	16,44%	21.780.005.566	8,89%	22.856.204.381	8,79%
Nợ dài hạn	-		530.379.500	0,22%	260.750.400	0,10%
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-		530.379.500	0,22%	260.750.400	0,10%

Nguồn: Báo cáo tài chính Q1/2009 và BCTC kiểm toán năm 2008

- Tại thời điểm 31/12/2008, các khoản phải trả, phải nộp khác bao gồm:

- Phải trả về cổ phần hoá	6.761.443.549	đồng
- Phải trả EVN về tài sản tạm tăng	2.039.112.399	đồng
- Lợi nhuận năm 2007 chưa trả EVN	6.683.814.104	đồng
- Phải trả về tiền Văn phòng Dự án	2.929.941.622	đồng
- Phải trả, phải nộp khác	3.365.693.892	đồng
Tổng	41.078.255.566	đồng

10. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2007- 2008

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2007 - 2008

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2007	Năm 2008
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,18	1,87
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,67	1,32

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2007	Năm 2008
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ/Tổng tài sản	%	40,9%	37,3%
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	69,1%	45,62%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho BQ)	Lần	-	7,64
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	%	158%	185%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	5%	11%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	12,94 %	31,62%
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	8%	20%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ DTT	%	6,79%	15%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2008)

11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1 Danh sách

❖ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Tên	Năm sinh	Chức vụ	Số CMTND
1	Trần Kế Tấn	1951	Chủ tịch HĐQT	160062079
2	Phạm Ngọc Hòa	1955	Ủy viên HĐQT	164065863
3	Nguyễn Quang Việt	1960	Ủy viên HĐQT	011259010
4	Đỗ Hoàn Khôi	1955	Ủy viên HĐQT	164234372
5	Nguyễn Thọ Tiệm	1951	Ủy viên HĐQT	161430611

❖ BAN GIÁM ĐỐC

STT	Tên	Năm sinh	Chức vụ	Số CMTND
1	Phạm Ngọc Hòa	1955	Tổng Giám đốc	164065863
2	Đỗ Hoàn Khôi	1955	Phó Tổng giám đốc	164234372
3	Dương Thúy Đức	1959	Phó Tổng giám đốc	161533919

❖ **BAN KIỂM SOÁT**

STT	Tên	Năm sinh	Chức vụ	Số CMTND
1	Lương Thị Nguyệt	1963	Trưởng BKS	161309069
2	Nguyễn Hồng Sơn	1955	Ủy viên BKS	161928788
3	Cao Anh Tuấn	1973	Ủy viên BKS	164001912

❖ **KẾ TOÁN TRƯỞNG**

STT	Tên	Năm sinh	Chức vụ	Số CMTND
1	Lương Quang Việt	1953	Kế toán trưởng	164162342

11.2 Sơ yếu lý lịch

A. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1) Ông Trần Kế Tấn

Giới tính : Nam
Ngày sinh : 05/08/1951
Quốc tịch : Việt nam
Dân tộc : Kinh
CMND : 160062079, Ngày cấp : 10/12/2005, Nơi cấp : CA Ninh Bình
Địa chỉ thường trú : SN 126 Đường 10 Phố Ngọc Mỹ, Phường Thanh Bình, TP Ninh Bình
Chức vụ hiện tại : Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không
Điện thoại : (030) 2 210.515
Trình độ văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Nhiệt
Quá trình công tác
1974-1980 : Kỹ thuật viên phân xưởng Lò nhà máy Điện Ninh

	Bình
4/1981-10/1986	: Phó quản đốc phân xưởng Lò
11/1986-6/1987	: Quyền Quản đốc phân xưởng Lò
7/1987-5/1999	: Quản đốc phân xưởng Lò
6/1999- 12/2007	: Giám đốc Công ty Nhiệt điện Ninh Bình
1/1/2008 đến nay	: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình
2000-2005	: Ủy viên BCH Đảng bộ thị xã Ninh Bình
Từ 04/2004 đến nay	: Đại biểu HĐND Tỉnh Ninh Bình
Từ 2005 đến nay	: Ủy viên BCH Đảng bộ Thành phố Ninh Bình
Từ 07/2008 đến nay	: Ủy viên ban chấp hành Đảng bộ khối Doanh nghiệp tỉnh Ninh Bình

Số cổ phần nắm giữ

Số cổ phần cá nhân sở hữu	: 56.000 CP
Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	: 2.573.100 CP (20%)
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	: Không
Hành vi phạm pháp	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Lợi ích liên quan khác đối với Công ty	: Không

2) Ông Phạm Ngọc Hoà

Giới tính	: Nam
Ngày sinh	: 13/10/1955
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
CMTND	: 164065863, Ngày cấp : 14/05/1997, Nơi cấp : CA Ninh Bình
Địa chỉ thường trú	: SN41 Ngõ 2, Đường Bắc Giang, Phố 4, Phường Đông

thành, TP Ninh Bình

Chức vụ hiện tại	:	Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	:	Không
Điện thoại	:	(030) 2 210.517
Trình độ văn hoá	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Hệ thống điện

Quá trình công tác

2/1979-6/1979	:	Phòng qui hoạch, Viện qui hoạch và thiết kế điện, Bộ điện và than
6/1979-10/1979	:	Đào tạo chuyển ngạch sỹ quan tại trường sỹ quan phòng không không quân
11/1979-12/1979	:	Bồi dưỡng nghiệp vụ kỹ thuật tại cục kỹ thuật Quân chủng phòng không
1/1980-12/1980	:	Trưởng Ban kỹ thuật trung đoàn 295 Binh chủng ra đa, Quân chủng Phòng không
1/1981-7/1987	:	Trưởng Ban nguồn điện Bộ tư lệnh binh chủng ra đa, Quân chủng Phòng không
7/1987-11/1995	:	Trưởng ca vận hành Nhà máy Điện Ninh Bình
11/1995-9/2000	:	Phó phòng Kỹ thuật Nhà máy Điện Ninh Bình
10/2000 – 12/2007	:	Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Ninh Bình
1/1/2008 đến nay	:	Tổng Giám đốc Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình

Số cổ phần nắm giữ

Số cổ phần cá nhân sở hữu	:	12.600 CP
Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	:	2.236.170 (17,38%)
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	Không
Hành vi phạm pháp	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công	:	Không

ty

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan khác đối với Công ty : Không

3) Ông Nguyễn Quang Việt

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 06/01/1960

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Tày

CMTND : 011259010, Ngày cấp : 14/03/2007, Nơi cấp : CA Hà Nội

Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Phó trưởng ban KHCN&MT Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Điện thoại : 0962.001.968

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ chuyên ngành Kỹ thuật điện

Quá trình công tác

1978-1982 : Bộ đội 346 tiểu đoàn 16 Đại đội C1, tham gia chiến đấu giữ chức tiểu đội trưởng

1982-1987 : Xuất ngũ về học tại trường Đại học Bách khoa Khoa Hệ thống điện

1987-1992 : Công tác tại phòng kỹ thuật thuộc ban quản lý các công trình điện miền Bắc - Công ty Điện lực 1, giữ chức chủ nhiệm công trình

1992-1994 : Công tác tại chi nhánh A7 thuộc A500 giữ chức tổ trưởng

1995-2006 : Ban quản lý xây dựng TCT Điện lực Việt Nam

2006- 2007 : Công tác tại Ban KHCN&MT Tập đoàn Điện lực Việt

Nam, giữ chức Phó trưởng ban
01/01/ 2008 đến nay : Ủy viên HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình
Phó trưởng ban KHCN&MT Tập đoàn Điện Lực Việt
Nam

Số cổ phần nắm giữ

Số cổ phần cá nhân sở hữu : Không
Số cổ phần đại diện phần vốn : 2.236.170 CP (17,38%)
nhà nước
Những người có liên quan nắm : Không
giữ cổ phiếu
Hành vi phạm pháp : Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công : Không
ty
Các khoản nợ đối với Công ty : Không
Lợi ích liên quan khác đối với : Không
Công ty

4) Ông Đỗ Hoàng Khôi

Giới tính : Nam
Ngày sinh : 07/11/1955
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
CMTND : 164234372, Ngày cấp : 08/03/2006, Nơi cấp : CA
Ninh Bình
Địa chỉ thường trú : SN113 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phố Phú Sơn,
Phường Nam Bình, TP Ninh Bình
Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc - Ủy viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại các : Không
tổ chức khác
Điện thoại : (030) 2 210.516
Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư chế tạo máy

Quá trình công tác

1/1979-3/1988 : Kỹ sư Phòng kỹ thuật nhà máy điện Ninh Bình

4/1988-5/1999 : Phó quản đốc PX Lò Nhà máy điện Ninh Bình

6/1999-7/2002 : Quản đốc PX Lò Nhà máy điện Ninh Bình

8/2002 – 12/ 2007 : Phó giám đốc Công ty Nhiệt điện Ninh Bình

1/2008 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình

Số cổ phần nắm giữ

Số cổ phần cá nhân sở hữu : 11.000 CP

Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước : Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu : - Vợ : Lã Thị Kim Oanh nắm giữ 14.500 cổ phiếu

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan khác đối với Công ty : Không

Hành vi phạm pháp : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

5) Ông Nguyễn Thọ Tiệm

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 03/10/1951

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

CMTND : 161430611, Ngày cấp : 03/10/2006, Nơi cấp : CA Ninh Bình

Địa chỉ thường trú : SN 26 đường Đông Hồ, phố Ngọc Mỹ, P, Thanh Bình, TP Ninh Bình

Chức vụ hiện tại : Trưởng phòng Tổ chức Lao động Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình - Ủy viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại các : Không
tổ chức khác

Điện thoại : (030) 2 210.531

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

10/1971-2/1974 : CN thuộc Ban Chuẩn bị Sản xuất Nhà máy điện Ninh
Bình

3/1974-2/1976 : Phó bí thư đoàn chuyên trách Nhà máy điện Ninh
Bình

3/1976-12/1978 : Cán bộ Ban Công nghiệp tỉnh đoàn Hà Nam Ninh

1/1979-6/1983 : Cán bộ Phòng Tổ chức Lao động Nhà máy điện Ninh
Bình

7/1983-3/1986 : Bí thư đoàn chuyên trách Nhà máy điện Ninh Bình

4/1986-5/1989 : Phó Phòng Tổ chức Lao động Nhà máy điện Ninh
Bình

6/1989-3/1997 : Chuyên viên kiêm chủ tịch Công đoàn Nhà máy điện
Ninh Bình

4/1997-31/12/2007 : Trưởng Phòng Tổ chức Lao động Công ty Nhiệt điện
Ninh Bình

01/01/2008 đến nay : Ủy viên HĐQT, Trưởng Phòng Tổ chức Lao động
Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình

Số cổ phần nắm giữ

Số cổ phần cá nhân sở hữu : 12.400 CP

Số cổ phần đại diện phần vốn : Không
nhà nước

Những người có liên quan nắm : - Vợ : Vũ Thị Dung nắm giữ 3.000 cổ phiếu
giữ cổ phiếu : - Con gái : Nguyễn Thị Thanh An nắm giữ 400 cổ
phiếu

Hành vi phạm pháp : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công : Không

ty

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan khác đối với : Không

Công ty

B) BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1) Ông Phạm Ngọc Hoà Tổng Giám đốc

Xin xem nội dung phần 10.2

A 2

2) Ông Đỗ Hoàn Khôi Phó Tổng Giám đốc

Xin xem nội dung phần 10.2

A 4

3) Ông Dương Thuỷ Đức

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 15/3/1959

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

CMTND : 161533919, Ngày cấp : 04/03/2007, Nơi cấp : CA
Ninh Bình

Địa chỉ thường trú : SN13 Phố Ngô Quyền , Phường Nam Bình, TP Ninh
Bình

Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại các : Không
tổ chức khác

Điện thoại : (030) 210.547

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế Năng lượng

Quá trình công tác

4/1982-8/1992	:	Cán bộ Phòng Kế hoạch Nhà máy điện Ninh Bình
9/1992-3/1999	:	Phó Phòng Kế hoạch Nhà máy điện Ninh Bình
4/1999- 9/2004	:	Trưởng Phòng Kế hoạch Nhà máy điện Ninh Bình
10/2004-9/2006	:	Phó Ban quản lý Dự án Công ty Nhiệt điện Ninh Bình
10/2006-12/2007	:	Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Ninh Bình
1/1/2008	:	Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình

Số cổ phần nắm giữ

Số cổ phần cá nhân sở hữu	:	6.300 CP
Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	:	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	Vợ : Hoàng Thị Huyền nắm giữ 5.000 cổ phiếu
Hành vi phạm pháp	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan khác đối với Công ty	:	Không

C) BAN KIỂM SOÁT

1) Bà Lương Thị Nguyệt

Giới tính	:	Nữ
Ngày sinh	:	08/01/1963
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
CMTND	:	161309069, Ngày cấp : 18/04/2007, Nơi cấp : CA Ninh Bình

Địa chỉ thường trú	:	Số 20 phố Ngọc Mỹ, Phường Thanh Bình, TP Ninh Bình
Chức vụ hiện tại	:	Trưởng Ban kiểm soát - Chuyên viên phòng tổng hợp dự án
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	:	Không
Điện thoại	:	(030) 2 210.547
Trình độ văn hoá	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

1/10/1985-9/2004	:	Kế toán Phòng Tài vụ Công ty Nhiệt điện Ninh Bình
20/09/2004-31/12/2007	:	Chuyên viên Phòng Tổng hợp Dự án Công ty Nhiệt điện Ninh Bình
01/01/2008 đến nay	:	Trưởng ban kiểm soát, chuyên viên Phòng Tổng hợp Dự án Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình

Số cổ phần nắm giữ

Số cổ phần cá nhân sở hữu	:	3.900 CP
Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	:	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	- Chồng : Hà Văn Giang nắm giữ 3.100 cổ phiếu
Hành vi phạm pháp	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan khác đối với Công ty	:	Không

2) Ông Nguyễn Hồng Sơn

Giới tính : Nam
Ngày sinh : 05/06/1955
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
CMTND : 161928788, Ngày cấp : 16/05/2006, Nơi cấp : CA
Ninh Bình
Địa chỉ thường trú : SN9 Phố Ngọc Sơn, Phường Thanh Bình, TP Ninh
Bình
Chức vụ hiện tại : Ủy viên Ban kiểm soát - CB chuyên trách văn phòng
Đảng ủy
Chức vụ đang nắm giữ tại các
tổ chức khác : Không
Điện thoại : 0912.455.866
Trình độ văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán doanh nghiệp

Quá trình công tác

10/1976-8/1981 : Bộ đội đơn vị C12-D6-E2-F330 Quân khu 9
8/1981-6/1995 : Nhân viên Phòng bảo vệ Nhà máy điện Ninh Bình
6/1995- 31/12/2007 : CB chuyên trách Văn phòng Đảng ủy Công ty Nhiệt
điện Ninh Bình
01/01/2008 đến nay : Ủy viên Ban kiểm soát, chuyên viên chuyên trách văn
phòng Đảng ủy Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình

Số cổ phần nắm giữ

Số cổ phần cá nhân sở hữu : 2.800 CP
Số cổ phần đại diện phần vốn : Không
nhà nước
Những người có liên quan : Không
nắm giữ cổ phiếu
Hành vi phạm pháp : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan khác đối với Công ty	:	Không

3) Ông Cao Anh Tuấn

Giới tính	:	Nam
Ngày sinh	:	13/11/1973
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
CMTND	:	164001912, Ngày cấp : 19/09/1995, Nơi cấp : CA Ninh Bình
Địa chỉ thường trú	:	Số 111 Trương Hán Siêu, phường Phúc Thành, TP Ninh Bình
Chức vụ hiện tại	:	Ủy viên ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	:	Phó phòng kế toán Công ty CP vật tư xăng dầu PETEC
Điện thoại	:	
Trình độ văn hoá	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kế toán

Quá trình công tác

1/1994-11/2005	:	Kế toán viên Công ty Vật tư Hà Nam Ninh
11/2005-7/2006	:	Trạm phó trạm Ninh Bình thuộc chi nhánh PETEC
7/2006-8/2007	:	Phó giám đốc chi nhánh Ninh Bình thuộc Công ty CP Vật tư xăng dầu Petec
8/2007- nay	:	Phó phòng tài chính kế toán Công ty CP vật tư xăng dầu PETEC
01/01/2008- nay	:	Ủy viên BKS Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình

Số cổ phần nắm giữ

Số cổ phần cá nhân sở hữu	:	Không
Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	:	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan khác đối với Công ty	:	Không
Hành vi phạm pháp	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không

D) KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Lương Quang Việt

Giới tính	:	Nam
Ngày sinh	:	20/07/1953
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
CMTND	:	164162342, Ngày cấp : 19/04/2001, Nơi cấp : CA Ninh Bình
Chức vụ hiện tại	:	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	:	Không
Địa chỉ thường trú	:	N98 Phố 3, P, Đông Thành, TP Ninh Bình
Điện thoại	:	(030) 210.527
Trình độ văn hoá	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kế toán doanh nghiệp

Quá trình công tác

4/1973-8/1982	:	Nhân viên kinh tế Phân xưởng Cơ khí nhà máy điện Ninh Bình
9/1982-3/1988	:	Kế toán Phòng Tài chính Nhà máy điện Ninh Bình
4/1988-12/1989	:	Phó Phòng Kế toán Tài chính Nhà máy điện Ninh Bình
1/1990-8/1990	:	Trưởng phòng kế toán tài chính Nhà máy điện Ninh Bình
9/1990- 31/12/2007	:	Kế toán trưởng Công ty Nhiệt điện Ninh Bình
01/01/2008 đến nay	:	Kế toán trưởng Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình

Số cổ phần nắm giữ

Số cổ phần cá nhân sở hữu	:	10.200 CP
Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	:	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	- Vợ : Lê Thị Mai nắm giữ 1.400 cổ phiếu
Hành vi phạm pháp	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan khác đối với Công ty	:	Không

12. Tài sản

12.1 Tài sản cố định

Tổng giá trị Tài sản cố định của Công ty tính đến ngày 31/12/2008 là 67.553.585.449 đồng, trong đó:

Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2008

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ % còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	74.916.504.532	23.993.516.743	32,03%
Máy móc, thiết bị	320.821.378.377	38.058.162.884	11,86%
Phương tiện vận tải	13.194.925.584	4.957.026.490	37,57%
Thiết bị quản lý	2.346.524.451	544.879.332	23,22%
Tổng cộng	411.279.332.944	67.553.585.449	16,43%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008)

12.2 Đất đai, nhà xưởng

Hiện tại Công ty đang sử dụng 04 khu đất, với tổng diện tích là 290.753,5 m², bao gồm:

- Khu đất tại Phường Thanh Bình, Thị xã Ninh Bình, rộng 12.216 m² được thuê trong thời hạn 49 năm, bắt đầu từ 01/01/1996 theo hợp đồng số 45/HĐ-TĐ ngày 20/11/1997. Mục đích sử dụng: xây dựng khu ở tập thể cho CBCNV.
- Khu đất tại Phường Thanh Bình, Thị xã Bình Bình, rộng 157.236,3 m² được thuê trong thời hạn 49 năm, bắt đầu từ 01/01/1996 theo hợp đồng số 46/HĐ-TĐ ngày 20/11/1997. Mục đích sử dụng: xây dựng trụ sở và khu sản xuất.
- Khu đất tại Phường Bích Đào, Thị xã Ninh Bình, rộng 44.643,6 m² được thuê trong thời hạn 45 năm, bắt đầu từ 01/07/2007 theo hợp đồng số 423/HĐ-TĐ ngày 25/10/2001. Mục đích sử dụng: làm bãi xi.
- Khu đất tại Phường Bích Đào, Thị xã Ninh Bình, rộng 76.657,6 m² được thuê trong thời hạn 45 năm, bắt đầu từ 29/05/2001 theo hợp đồng số 241/HĐ-TĐ ngày 29/05/2001. Mục đích sử dụng: làm bãi xi.

Hiện trạng các khu đất của Công ty

Số giấy chứng nhận sử dụng đất	Ngày cấp	Diện tích (m2)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Ngày bắt đầu thuê
415 QSDĐ/ĐKTK	10/5/2000	12.216	Xây dựng khu tập thể cho CBCNV	49	1/1/1996
414 QSDĐ/ĐKTK	10/5/2000	157.236,3	Làm trụ sở và nơi sản xuất	49	1/1/1996
500 QSDĐ/ĐKTK	16/11/2001	44.643,6	Làm bãi xỉ than	45	1/7/2001
467 DSĐĐ/ĐKTK	11/6/2001	76.657,6	Làm bãi xỉ than	45	29/05/2001

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình)

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

Kế hoạch kinh doanh trong các năm tiếp theo

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2009		Kế hoạch năm 2010	
	Giá trị (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2008	Giá trị (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2008
Doanh thu thuần	410.012	-9,45	466.062	16,67
Lợi nhuận sau thuế	18.738	-62,02	13.021	-30,51
Lợi nhuận sau thuế/DTT	4,57%	-58,06	2,79	-38,87
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	14,56%	-62,02	10,12%	-30,51
Tỷ lệ trả cổ tức	10%	-56,52	10%	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHCĐ năm 2009 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình)

Các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu thuần, lợi nhuận năm 2009, 2010 thấp hơn 2008 do năm 2009, 2010 Công ty có kế hoạch phục hồi bốn tổ máy vì vậy phải ngừng thiết bị để phục hồi dẫn đến sản lượng điện phát ra sẽ thấp hơn ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, trên thực tế do các tổ máy của Công ty vẫn hoạt động hiệu quả cùng với nhu cầu phát điện nên Công ty vẫn chưa có kế hoạch phục hồi tổ máy, kết quả hoạt động SXKD 3 tháng đầu năm 2009 đã vượt so với mức kế hoạch đặt ra cho năm 2009.

13.1 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

- Sự phát triển kinh tế xã hội trong những năm gần đây đã có ảnh hưởng tích cực đến lĩnh vực sản xuất điện. Nhu cầu tiêu dùng điện trong nước đáp ứng tốc độ tăng trưởng kinh tế và nâng cao mức sống của người dân theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội là rất cao. Trên thực tế, Việt Nam hiện đang nhập khẩu điện để đảm bảo nhu cầu tiêu dùng điện.
- Là nhà máy Nhiệt điện chạy than nên không phụ thuộc nhiều vào các điều kiện thiên nhiên, giá thành thấp hơn so với các nhà máy điện dùng Dầu và Khí.
- Với trên 30 năm hoạt động, đội ngũ CBCNV Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quản lý và vận hành, trình độ chuyên môn được nâng cao, đáp ứng nhu cầu của sản xuất.
- Các hợp đồng cung cấp nguyên liệu chính được ký kết với các đối tác cung cấp nguyên liệu lớn, đã có quá trình hợp tác kinh doanh với công ty lâu dài đảm bảo sự ổn định về khối lượng cũng như giá cả.
- Hợp đồng mua, bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã thống nhất theo mức giá bình quân có điều chỉnh tăng hoặc giảm tùy theo sự biến động về giá nhiên liệu, tạo điều kiện cho Công ty tập trung vào sản xuất, đảm bảo tốt sản lượng, hạn chế được các rủi ro về biến động giá nhiên liệu.
- Do có quá trình hoạt động và tích lũy lâu dài nên tình hình tài chính của công ty tương đối ổn định và lành mạnh.

13.2 Kế hoạch đầu tư dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua

✚ Kế hoạch sửa chữa lớn

Do máy móc và thiết bị đã hoạt động trong một thời gian dài, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009, Công ty đã thông qua kế hoạch sửa chữa lớn năm 2009 với giá trị 31.785,06 triệu đồng nhằm phục hồi bốn tổ máy đồng thời thực hiện bảo dưỡng, tu sửa và kiểm tra thiết bị khác.

✚ Kế hoạch đầu tư xây dựng

Theo Công văn số 1484/EVN-TCCB&ĐT ngày 02/04/2008 về việc quản lý dự án NMNĐ Thái Bình 1 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam gửi Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình trong đó có nêu rõ:

“ ... Chuyển giao cho Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình làm chủ đầu tư dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 1 (2x300MW) sau khi Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý có liên quan theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Tập đoàn Điện lực Việt Nam thuê Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình 1 cho đến khi hoàn thành thủ tục chuyển giao dự án cho Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình làm chủ đầu tư...”.

Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 1 dự tính được đặt tại xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; tổng mức đầu tư dự kiến là 756,46 triệu USD, hiện nay Công ty CPNĐ Ninh Bình đang tiến hành nghiên cứu phương án đầu tư và tính toán hiệu quả của dự án. Theo dự kiến nhà máy sẽ đưa vào vận hành năm 2013.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích và đưa ra những đánh giá, dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình. Dựa trên năng lực sản xuất và tình trạng tài chính hiện tại của Công ty, ABS nhận thấy ngoài những rủi ro đã nêu ở trên kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty có tính khả thi.

Công ty Cổ phần chứng khoán An Bình xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét trên đây được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

12.865.500 (Mười hai triệu tám trăm sáu mươi lăm ngàn năm trăm) cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Tổng số lượng cổ phần của các cổ đông là thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, KTT tại thời điểm 16/3/2009 là 115.200 cổ phần. Các cổ đông này cùng nhau cam kết nắm giữ 100% số cổ phần do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phần này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phần thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

Danh sách cổ đông là thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, KTT

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP đang nắm giữ
1	Trần Kế Tấn	Chủ tịch HĐQT	56.000
2	Phạm Ngọc Hoà	TGD - Ủy viên HĐQT	12.600
3	Đỗ Hoàn Khôi	PTGD - Ủy viên HĐQT	11.000
4	Nguyễn Thọ Tiệm	Trưởng P.Tổ chức - UVHĐQT	12.400
5	Dương Thuý Đức	PTGD	6.300
6	Lương Thị Nguyệt	Trưởng BKS	3.900
7	Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên BKS	2.800
8	Lương Quang Việt	KTT	10.200
	Tổng		115.200

(Nguồn: Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình)

5. Phương pháp tính giá

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2008

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2008
1	Vốn chủ sở hữu	172.928.972.300
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15.094.663.554
3	Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	12.865.500
4	Mệnh giá cổ phiếu	10.000
5	Giá trị sổ sách $[(5)=((1)-(2))/3]$	12.268

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008)

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/03/2009

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/03/2009
1	Vốn chủ sở hữu	186.883.080.233
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.582.306.709
3	Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	12.865.500
4	Mệnh giá cổ phiếu	10.000
5	Giá trị sổ sách $[(5)=((1)-(2))/3]$	13.781

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình)

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài. Vì vậy, khi cổ phiếu được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, các nhà đầu tư nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Theo Quyết định này, tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài là 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của công ty.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty tính tới thời điểm 16/3/2009 là 0%.

7. Các loại thuế có liên quan

Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Công ty thực hiện theo Nghị định 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thuế thu nhập doanh nghiệp theo đó mức thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty phải nộp là 28%. Từ năm 2009 trở đi thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Thuế GTGT: Công ty thực hiện tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đầu vào, thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm điện thương phẩm theo quy định hiện hành là 10%.

Thuế tài nguyên: Thuế tài nguyên được tính theo công thức sau :

$$\begin{array}{r} \text{Thuế tài} \\ \text{nguyên phải} \\ \text{nộp trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Sản lượng tài} \\ \text{nguyên thương} \\ \text{phẩm thực tế} \\ \text{khai thác} \\ \text{(Nước)} \end{array} \times \begin{array}{r} \text{Giá tính} \\ \text{thuế đơn vị} \\ \text{tài nguyên} \end{array} \times \begin{array}{r} \text{Thuế} \\ \text{suất} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Số thuế tài nguyên} \\ \text{được miễn, giảm} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Tiền thuê đất, các loại phí và các khoản phải nộp khác Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức niêm yết



Tổ chức niêm yết	:	CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH
Tên giao dịch quốc tế	:	Ninh Binh Thermal Power Joint-Stock Company
Tên viết tắt	:	NBTPC
Địa chỉ	:	Phường Thanh Bình- Thành phố Ninh Bình- Tỉnh Ninh Bình
Điện thoại	:	(030) 2 210.537
Fax	:	(030) 3873.762
Website	:	http://www.nbtpc.com.vn

2. Tổ chức tư vấn



Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình
Trụ sở	:	101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Tel	:	(04) 35.624.626
Fax	:	(04) 35.624.628
Website	:	www.abs.vn
Tại Tp. Hồ Chí Minh		
Văn phòng	:	118 Nguyễn Cư Trinh – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh
Tel	:	(04) 38.389.655
Fax	:	(04) 38.389.656

3. Tổ chức kiểm toán



Tên Công ty : Công ty dịch vụ Kiểm toán & Tư vấn UHY
Trụ sở : 5 – 6, số 136 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel : (04) 37.557.446
Fax : (04) 37.557.448
Website : www.uhyvietnam.com.vn

VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục 1: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008**
- 2. Phụ lục 2: Báo cáo tài chính Công ty Q1 năm 2009**
- 3. Phụ lục 3: Biên bản Xác định giá trị doanh nghiệp**
- 4. Phụ lục 4: Điều lệ Công ty**
- 5. Phụ lục 5: Sơ yếu lý lịch, cam kết nắm giữ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng**
- 6. Phụ lục 6: Quy chế quản trị Công ty**
- 7. Phụ lục 7: Quy trình công bố thông tin**
- 8. Phụ lục 8: Các tài liệu khác**



ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN KẾ TẤN

PHẠM NGỌC HOÀ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LƯƠNG THỊ NGUYỆT

LƯƠNG QUANG VIỆT

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỒNG QUÂN